

NGÔ NGỌC THẮNG
BIÊN SOẠN

NHẠC LÝ NÂNG CAO



Thực hành

NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC

NGÔ NGỌC THẮNG
BIÊN SOẠN

NHẠC LÝ NÂNG CAO

Thực hành

In lần thứ hai

NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC

LỜI MỞ ĐẦU

NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC xin tiếp tục giới thiệu tập NHẠC LÝ NÂNG CAO THỰC HÀNH , tiếp theo tập Nhạc lý căn bản thực hành ; như người đồng hành với các bạn trong các chương trình học tập và hoạt động về âm nhạc .

Hy vọng với sự cố gắng bền bỉ của chúng tôi , một phần nào đó , đáp ứng được yêu cầu của các bạn : ngày càng phát triển sự hiểu biết hơn về lý thuyết âm nhạc , hầu ứng dụng thành công vào môi trường âm nhạc mà các bạn đang hoạt động .

Ước mong các bạn được mãn nguyện .

NXB: ÂM NHẠC

DẪN NHẬP

Chương trình **NHẠC LÝ NÂNG CAO THỰC HÀNH** được phát triển và bổ sung thêm các kiến thức , mà chúng ta đã học trong **Nhạc lý căn bản thực hành** : **Quãng , Hợp âm , Âm giai ...** và một số vấn đề mới như : **Giai điệu - Tiết tấu - Hoà âm , Âm thức ; Xác định âm thể và chuyển Hợp âm trong 1 bản nhạc ...**

Riêng phần **Xác định âm thể và chuyển Hợp âm trong 1 bản nhạc** - sau phần khái quát ở tập này , chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu và phát triển sâu , rộng lĩnh vực nêu trên vào các tập kế tiếp .

Trong phần **Phụ lục** của tập sau, mời các bạn tìm hiểu về: **CÁC THỂ LOẠI NHẠC TRẺ** , từ lúc hình thành cho đến hiện nay với các đại diện đương đại như : **POP , ROCK , RAP ...**

Mời các bạn nhớ đón xem và mến chúc thành công .

NGÔ NGỌC THẮNG

**NHẠC LÝ CĂN BẢN
NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT THÊM**

- . TÊN NỐT NHẠC
- . KHUÔNG NHẠC
- . ĐỔI KHÓA - DI CHUYỂN QUẢNG 8.

1. TÊN NỐT NHẠC :

Quá trình phát triển của âm nhạc đã hình thành tên gọi và thứ tự các âm thanh, theo 2 hệ thống như sau :

* **Hệ thống chữ vần :**

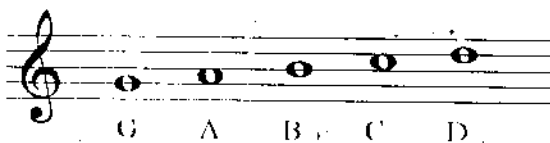
Đô, Rê, Mi, Fa, Sol, La, Si.

* **Hệ thống chữ cái :**

A	B	C	D	E	F	G
(La)	(Si)	(Đô)	(Rê)	(Mi)	(Fa)	(Sol)

Trên thế giới, có các nước như Anh, Mỹ, Đức, Hà Lan... dùng **hệ thống chữ cái** làm hệ thống cơ bản để chỉ tên các nốt nhạc.

Thí dụ :



Các nước còn lại, trong đó có chúng ta, lại dùng **hệ thống chữ vần** làm hệ thống cơ bản để chỉ tên các nốt nhạc.

Thí dụ :

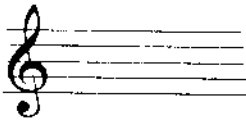


Ghi chú : Tất cả 2 hệ thống trên, đều dùng **chữ cái** để viết tắt tên Hợp âm.

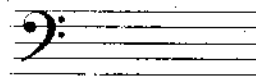
2. KHUÔNG NHẠC :

Khuông nhạc gồm 5 hàng kẻ và 4 khe. Đầu mỗi khuông nhạc có một khóa nhạc. Nhờ có Khóa nhạc, ta có thể xác định được tên của 1 hình nốt nằm trên khuông nhạc.

Trải qua nhiều thời kỳ phát triển âm nhạc, hiện nay chúng ta chỉ sử dụng thường xuyên và phổ biến 2 loại khóa : Khóa Sol và Khóa Fa.



Khóa Sol

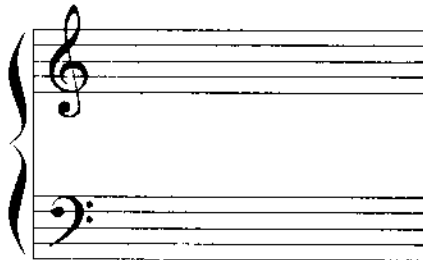


Khóa Fa

Các tác phẩm âm nhạc sử dụng cùng lúc nhiều khuông nhạc, thì khuông nhạc đó được nối liền với nhau bằng vạch liên kết tùy theo từng thể loại âm nhạc.

Thí dụ :

a. Vạch liên kết các khuông nhạc dùng cho đàn Piano, Organ...



b. Vạch liên kết các khung nhạc dùng cho Đơn ca, Độc tấu nhạc cụ có phần đệm :

Đơn ca hoặc
độc tấu

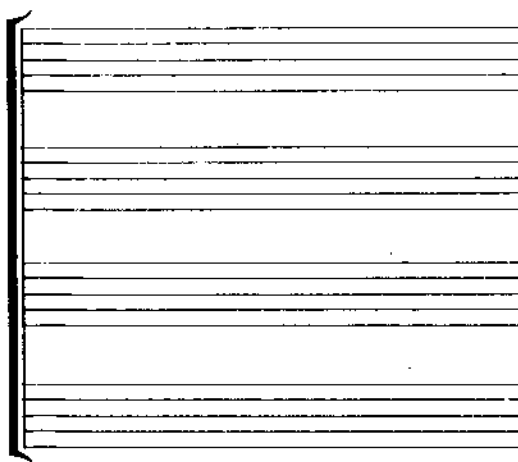


Phần đệm



The image shows two musical staves. The top staff is a single treble clef staff. The bottom staff is a grand staff consisting of two staves: the top one with a treble clef and the bottom one with a bass clef. A large curly brace on the left side groups the two staves of the grand staff together.

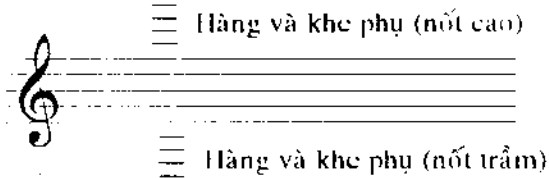
c. Vạch liên kết các khung nhạc dùng cho Hợp xướng và Đàn nhạc.



The image shows a grand staff consisting of two staves: the top one with a treble clef and the bottom one with a bass clef. A large curly brace on the left side groups the two staves together.

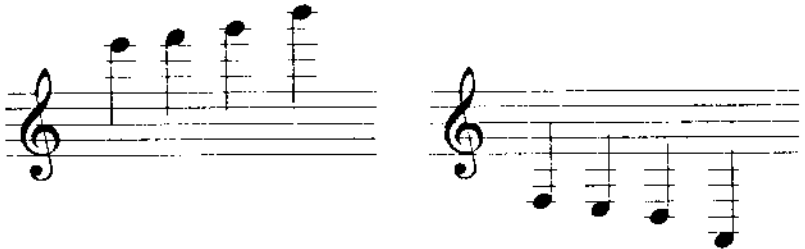
3. ĐỔI KHÓA - DI CHUYỂN QUÃNG 8

Như ta đã biết, ngoài khuôn nhạc chính gồm 5 hàng kẻ và 4 khe, còn có những hàng phụ và khe phụ để viết những nốt cao hơn, hoặc thấp hơn.



Trên lý thuyết, muốn dùng bao nhiêu hàng kẻ phụ cũng được, nhưng trong thực tế, các nốt nhạc viết từ hàng kẻ phụ thứ 3 trở lên, đều khó xác định vị trí và tên nốt nhạc.

Thí dụ :



Vì thế, để xác định và đọc tên nốt dễ dàng hơn, ta dùng 1 trong 2 phương cách : **Đổi khóa** hoặc **Di chuyển quãng 8** sau đây :

A. ĐỔI KHÓA

Thí dụ 1 :

Trước khi đổi khóa



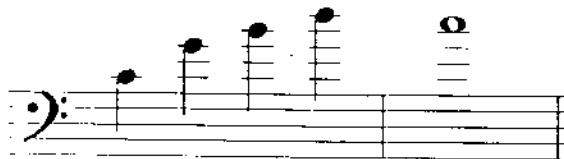
Sau khi đổi khóa



Thay vì viết như khuôn nhạc 1, phải dùng nhiều hàng & khe phụ. Ta cho thay đổi khóa Sol thành khóa Fa, (khuôn nhạc 2) vừa dễ đọc, vừa gọn gàng mà hiệu quả về cao độ vẫn như nhau.

Thí dụ 2 :

Trước khi đổi khóa



Sau khi đổi khóa



B. DI CHUYỂN QUÃNG 8

Giống như **Đổi khóa**, **Di chuyển quãng 8** cũng có mục đích tạo sự dễ dàng trong việc xác định tên nốt nhạc bằng cách **hạ xuống 1 quãng 8** hoặc **tăng lên 1 quãng 8**.

a. Hạ xuống 1 quãng 8

Dùng 1 trong 3 ký hiệu dưới đây :

8

8^{va}. hoặc

8^{va} sup (octave superiora)

Thí dụ :



Thay vì viết như khuôn nhạc 1, phải dùng nhiều hàng & khe phụ, ta hãy viết như khuôn nhạc 2, chỉ cần thêm ký hiệu 8 (hoặc 8^{va} hoặc 8^{va} sup.) mà hiệu quả diễn xuất cũng y như nhau.

b. Tăng lên 1 quãng 8

Thí dụ :

1

2

8.

Thay vì viết như khuôn nhạc 1, dùng nhiều hàng & khe phụ, ta viết như khuôn nhạc 2, thêm số 8 (hoặc 8^{va} bassa) ở **phía dưới** đoạn nhạc

Chú ý : Những đoạn nhạc muốn di chuyển quãng 8 trên hay dưới, sau khi viết số 8 (hoặc 8^{va} sup.. hoặc 8^{va} bassa) đều phải có các dấu chấm kèm theo cho đến khi hết phần muốn di chuyển quãng 8.

Thí dụ :

1

2

8

Thay vì viết như khuôn nhạc 1, ta có thể viết như khuôn nhạc 2 với số 8 và các dấu chấm kèm theo, cho đến hết đoạn nhạc muốn di chuyển.

CHƯƠNG II

GIAI ĐIỆU - TIẾT TẤU - HÒA ÂM

Ba yếu tố tác động trực tiếp để hình thành âm nhạc đó là **Giai điệu, Tiết tấu và Hòa âm**.


Ba yếu tố này được gọi là **ngôn ngữ âm nhạc**

1. Giai điệu :

Các âm thanh nối tiếp nhau, lần lượt phát ra, được hệ thống và hoàn chỉnh về hình thức lẫn nội dung được gọi là **Giai Điệu**.

Thí dụ :



Về hình thức, **Giai điệu** là các âm được liên kết với nhau theo chiều ngang : có nốt dài, nốt ngắn () Phách mạnh, phách nhẹ, phân chia thành từng ô nhịp có số lượng phách bằng nhau...

Về nội dung, **Giai điệu** phải theo 1 hướng chuyển động nào đó và được giới hạn trong 1 cao độ nhất định (không có những nốt quá cao hay quá thấp, hoặc vừa cao quá lại vừa thấp quá...)

Ngoài ra, **Giai điệu** còn có tác dụng gợi lên trong trí óc người nghe 1 bức tranh với tất cả sự tưởng tượng mà nó có thể khơi dậy được với muôn hình muôn vẻ trong cuộc sống.

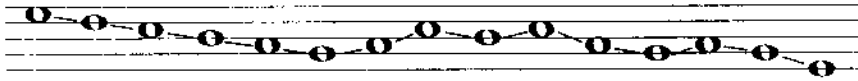
2. Tiết tấu :

Tiết tấu góp phần quan trọng trong việc hình thành âm nhạc.

Khi hát hoặc đàn lên 1 Giai điệu. thì tiết tấu xuất hiện ngay trong đó. Nó như 1 sợi dây liên kết các âm thanh tạo thành 1 **chuyển động đặc trưng** cho Giai điệu.

Đơn giản hơn, ta có thể hiểu như sau :

- **Giai điệu** có khuynh hướng về **cao độ**



- **Tiết tấu** có khuynh hướng về **trường độ**

Thí dụ :



Chính sự **tổ chức, xếp đặt nhịp nhàng** trong chuyển động đã tạo ra **Tiết tấu**.

Để cho thực tế hơn, bạn hãy thực hiện bài tập đơn giản sau đây để "cảm nhận Tiết tấu".

BÀI TẬP TIẾT TẤU

Bắt đầu vào bài tập, bạn cần lưu ý

- Mỗi ô vuông, bạn **gõ 1 cái, gõ đều đặn**.

- Ô nào **có số**, thì bạn **đọc số**, ô nào **để trống**, bạn vẫn gõ đều đặn mà **không đọc** gì hết.

- Mỗi hàng, bạn phải đọc nhiều lần (nhớ là phải gõ đều đặn) cho đến lúc bạn hình dung và nắm được Tiết tấu của bài tập đó.

Ghi chú : Bạn có thể gõ mạnh hơn, đọc mạnh hơn khi đọc ô số 1

1.

1

--

2

--

3

4

 trở lại

2.

1

--

2

3

4

--

 trở lại

3.

1

--

--

2

3

4

 trở lại

4.

1

2

--


--

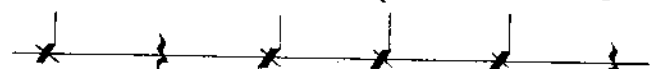
3


4

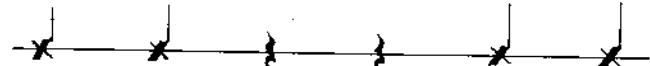
 trở lại

4 bài tập trên tương đương với 4 hình Tiết tấu dưới đây :

1. 

2. 

3. 

4. 

Từ những bài tập này, có thể tự mình khám phá ra thêm nhiều điều mới lạ nữa nếu bạn chịu khó suy luận và phân tích thêm. Tiết tấu, tự bản chất, có thể xác định được các thể loại âm nhạc, căn cứ trên Tiết tấu, trải qua các thời đại, con người đã sáng tạo ra các tiết điệu khác nhau theo nhu cầu đối mới không ngừng từ Waltz, March, Blues, Jazz...cho đến Pop, Rock...

3. Hòa âm:

Các âm thanh kết hợp với nhau thành **Hợp âm**. Sau đó, nối tiếp các Hợp âm lại với nhau gọi là **Hòa âm**.

Thí dụ :

Giai điệu

The image shows a musical score for a melody and its accompaniment. The top staff is a single treble clef staff with a melody in C major, 4/4 time. The notes are G4, A4, B4, C5, B4, A4, G4, F4, E4, D4. The bottom staff is a grand staff (treble and bass clefs) with a piano accompaniment. The chords are written above the notes: Am, D| G7, G | Am, F| G7, C. The notes are written below the staff.

Âm . thành chồng âm → chồng âm . thành Hòa âm

Giai điệu như 1 bức tranh với những đường nét đã hoàn thành, nhưng vẫn còn thiếu sự biến hóa của màu sắc. Hòa âm sẽ là màu sắc tô điểm cho bức tranh đó thêm đậm đà, rực rỡ, phong phú và hấp dẫn hơn.

Hòa âm còn có tác dụng phát triển, sáng tạo cho Giai điệu thêm nhiều ý nghĩa, phong phú về nội dung và đa dạng hơn về hình thức.

Với Hòa âm, âm nhạc được chấp cánh để thành những bức tranh hoành tráng, phát triển thêm khả năng biểu hiện phong phú và sáng tạo. Cùng 1 lúc với sự chuyển động của nhiều bè, nhiều giọng, Hòa âm có thể mang nhiều ý, nhiều hướng khác nhau. Và ngược lại, người thưởng ngoạn âm nhạc cùng 1 lúc được đón nhận toàn bộ sự đa dạng, phong phú và cũng không kém phần phức tạp của các khối âm thanh đó.

CHƯƠNG III

QUÃNG

Những hiểu biết chi tiết về Quãng - sau khái niệm về Quãng ở phần Nhạc lý Căn bản - sẽ giúp chúng ta xác định được tính chất cấu tạo và diễn tiến của các âm, các hợp âm, hầu nhận định chính xác và hiểu rõ hơn nội dung của tác phẩm. Quãng giữ 1 vai trò rất quan trọng và có liên hệ mật thiết đến cấu tạo Hợp âm và chương trình Hòa âm sau này.

Lần lượt, chúng ta sẽ tìm hiểu và phân tách từng đề mục sau đây :

1. QUÃNG GIAI ĐIỆU - QUÃNG HÒA ÂM

2. **TÊN QUÃNG** : Quãng Đứng, Quãng Trưởng, Quãng Thứ Quãng Tăng, Quãng Giảm, Quãng Tăng Thêm, Quãng Giảm Thêm.

3. VỊ TRÍ CỦA CÁC QUÃNG CƠ BẢN TRÊN HÀNG ÂM

4. QUÃNG THUẬN - QUÃNG NGHỊCH

5. QUÃNG TRÙNG ÂM VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH QUÃNG

6. QUÃNG ĐƠN - QUÃNG KÉP

7. ĐẢO QUÃNG

1. QUÃNG GIAI ĐIỆU - QUÃNG HÒA ÂM

a. Quãng Giai Điệu :

Hai nốt nhạc nằm kế cận nhau theo chiều ngang sẽ tạo thành Quãng Giai Điệu.



Quãng
Giai điệu lên

Quãng
Giai điệu xuống

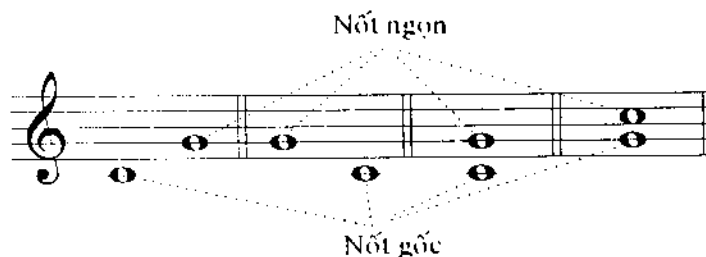
b. Quãng Hòa âm :

Hai nốt nhạc nằm chổng lên nhau, tạo thành Quãng Hòa âm



Quãng hoà âm

Ở các thí dụ trên, các nốt phía dưới, gọi là nốt **gốc**, các nốt trên gọi là nốt **ngọn**.



2. TÊN QUÃNG

Quãng mang nhiều chức năng, để dễ phân biệt, người ta phân loại như sau :

Quãng Đúng : gồm các Quãng 1, Quãng 4, Quãng 5, Quãng 8.

Quãng Trưởng - Quãng Thứ : gồm các Quãng 2, Quãng 3, Quãng 6, Quãng 7.

Các Quãng kể trên còn được phân biệt bằng các tên : **Quãng Tăng, Quãng Giảm, Quãng Tăng Thêm, Quãng Giảm Thêm.**

a. Quãng Đứng : Là Quãng mang tính ổn định, chuẩn mực, đúng mức.

Đặc điểm để gọi **Quãng Đứng**, bởi vì khi nhìn các phím trắng đàn Piano (hay Organ) thì tất cả các Quãng 1, tất cả các Quãng 4 (Trừ Quãng Fa - Si) tất cả các Quãng 5 (Trừ Quãng Si - Fa) và tất cả các Quãng 8 đều "Đứng" ngay, mà không cần phải xác định lại. Trong khi các Quãng Trưởng và Quãng Thứ còn lại, vì ảnh hưởng của 2 bán cung Mi - Fa và Si - Đô làm chệnh lệch nên cần phải xác định lại để được chính xác.

HÌNH PHÍM ĐÀN PIANO



- Quãng 1 Đứng



- Quãng 4 Đứng

Trên hàng âm (hoặc trên phím đàn) ta có thể xác định Quãng 4 đúng (Trừ Fa - Si)



- Quãng 5 đúng (Trừ Si - Fa)



- Quãng 8 Đúng



b. Quãng Trưởng - Quãng Thứ :

Các Quãng 2, 3, 6, 7 đều có thể vừa là Trưởng vừa là Thứ, tùy theo số cung trong Quãng đó.

- Quãng 2 Thứ : có khoảng cách $\frac{1}{2}$ cung.
- Quãng 2 Trưởng : có khoảng cách 1 cung.
- Quãng 3 Thứ : có khoảng cách $1, \frac{1}{2}$ cung.
- Quãng 3 Trưởng : có khoảng cách 2 cung.
- Quãng 6 Thứ : có khoảng cách 4 cung.
- Quãng 6 Trưởng : có khoảng cách $4 \text{ cung}, \frac{1}{2} \text{ cung}$
- Quãng 7 Thứ : có khoảng cách 5 cung.
- Quãng 7 Trưởng : có khoảng cách $5, \frac{1}{2}$ cung.

c. Quãng Tăng - Quãng Giảm :

Tất cả các Quãng trên (a và b) đều có thể trở thành Quãng Tăng hoặc Quãng Giảm (Ngoại lệ : không có Quãng 1 Giảm)

1. Quãng Tăng : Gọi là Quãng Tăng, khi Quãng Đúng hoặc Quãng Trưởng cộng thêm $\frac{1}{2}$ cung.

* Ở Quãng Đúng, nếu nốt ngọn tăng $\frac{1}{2}$ cung hoặc nốt gốc giảm $\frac{1}{2}$ cung, đều trở thành **Quãng Tăng**.

Thí dụ :

The diagram shows musical notation for a quarter note (Q.4 Đứng) and its variations. On the left, a single treble clef staff shows a quarter note on the second line (F4) with the label "Q.4 Đứng". To the right, a grand staff (two treble clefs) shows two variations: the top staff shows a quarter note on the second line with a sharp sign (F#4) circled in a dotted line, labeled "Nốt ngọn tăng 1/2 cung" and "Q.4 tăng"; the bottom staff shows a quarter note on the first space (F3) with a flat sign (Fb3) circled in a dotted line, labeled "Nốt gốc giảm 1/2 cung" and "Q.4 tăng". The word "Hoặc" (Or) is placed between the two staves.

* Ở Quãng Trưởng, nếu nốt ngọn tăng 1/2 cung hoặc nốt gốc giảm 1/2 cung, đều trở thành **Quãng Tăng**.

Thí dụ :

The diagram shows musical notation for a quarter note (Q.3 Trưởng) and its variations. On the left, a single treble clef staff shows a quarter note on the second space (G4) with the label "Q.3 Trưởng". To the right, a grand staff (two treble clefs) shows two variations: the top staff shows a quarter note on the second space with a sharp sign (G#4) circled in a dotted line, labeled "Nốt ngọn tăng 1/2 cung" and "Q.3 tăng"; the bottom staff shows a quarter note on the first space (G3) with a flat sign (Gb3) circled in a dotted line, labeled "Nốt gốc giảm 1/2 cung" and "Q.3 tăng". The word "Hoặc" (Or) is placed between the two staves.

2. Quãng Giảm : Gọi là Quãng Giảm, khi Quãng Đúng hoặc Quãng Thứ giảm bớt 1/2 cung.

* Ở Quãng Đứng, nếu nốt ngọn giảm 1/2 cung hoặc nốt gốc tăng 1/2 cung, đều trở thành **Quãng Giảm**.

Thí dụ :

Nốt ngọn giảm 1/2 cung → Q.5 Giảm

Hoặc

Nốt gốc tăng 1/2 cung → Q.5 Giảm

* Ở Quãng Thứ, nếu nốt ngọn giảm 1/2 cung hoặc nốt gốc tăng 1/2 cung, đều trở thành **Quãng Giảm**.

Thí dụ :

Nốt ngọn giảm 1/2 cung → Q.6 Giảm

Hoặc

Nốt gốc tăng 1/2 cung → Q.6 Giảm

Ngoài ra, còn có các **Quãng Tăng Thêm** (Gồm Quãng Tăng, cộng thêm 1/2 cung) và **Quãng Giảm Thêm** (Gồm Quãng Giảm, bớt thêm 1/2 cung).

1. Quãng Tăng Thêm :

Thí dụ 1 :

Q.4 Đứng → Q.4 Tăng → Q.4 Tăng Thêm

Thí dụ 2 :

Q.2 Trùng → Q.2 Tăng → Q.2 Tăng Thêm

2. Quãng Giảm Thêm :

Thí dụ 1 :

Q.5 Đứng → Q.5 Giảm → Q.5 Giảm Thêm

Thí dụ 2 :

Q.7 Thứ → Q.7 Giảm → Q.7 Giảm Thêm

Để hiểu rõ và chính xác hơn những vấn đề nêu trên, bạn cần lưu ý những điểm sau đây :

1. Đối với Quãng có Dấu Hóa

- Dấu Hóa Thăng (#) : Không có nghĩa là Quãng Tăng.
- Dấu Hóa Giáng (b) : Không có nghĩa là Quãng Giảm.

2. Khi gặp Dấu Hóa, phải nhận định xem Quãng đó sẽ **rộng** hơn hay **hẹp** lại

Dấu Hóa ở **nốt ngọn** :

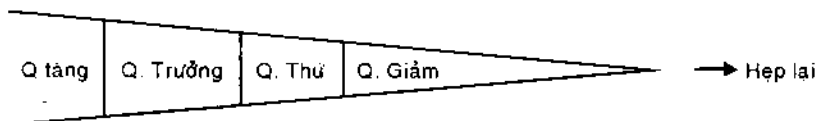
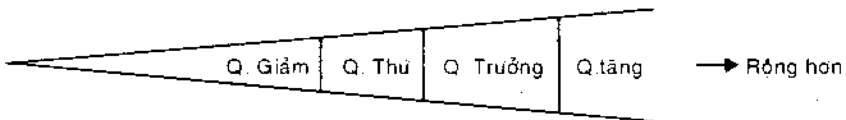
- Dấu Thăng (\sharp) ở nốt ngọn : Quãng rộng hơn.
- Dấu Giáng (\flat) ở nốt ngọn : Quãng hẹp hơn.

Dấu Hóa ở **nốt gốc** :

- Dấu Thăng (\sharp) ở nốt gốc : Quãng hẹp lại.
- Dấu Giáng (\flat) ở nốt gốc : Quãng rộng hơn.

3. Tóm tắt :

- Quãng Đúng : Thêm nửa cung, thành Quãng **Tăng**
Bớt nửa cung, thành Quãng **Giảm**.
- Quãng Trưởng : Thêm nửa cung, thành Quãng **Tăng**.
Bớt nửa cung, thành Quãng **Thứ**
- Quãng Thứ : Thêm nửa cung, thành Quãng **Trưởng**
Bớt nửa cung, thành Quãng **Giảm**
- Quãng Tăng : Thêm nửa cung, thành Quãng **Tăng Thêm**
Bớt nửa cung, thành Quãng **Trưởng**
- Quãng Giảm : Thêm nửa cung, thành Quãng **Thứ**
Bớt nửa cung, thành Quãng **Giảm Thêm**



3. VỊ TRÍ CỦA QUÃNG CƠ BẢN TRÊN HÀNG ÂM

Với mục đích tăng cường sự hiểu biết và nhận định nhanh hơn về Quãng, chúng ta hãy làm quen với vị trí và tên gọi của các Quãng cơ bản trên hàng âm.

2T 3T 4Đ 5Đ 6T 7T 8Đ

2t 3t 4Đ 5Đ 6T 7t 8Đ

2t 3t 4Đ 5Đ 6t 7t 8Đ

2T 3T 4Tăng 5Đ 6T 7T 8Đ

2T 3T 4Đ 5Đ 6T 7t 8Đ

2T 3t 4Đ 5Đ 6t 7t 8Đ

2t 3t 4Đ 5Giảm 6t 7t 8Đ

4. QUÃNG THUẬN - QUÃNG NGHỊCH

Đối với Quãng Hòa âm, còn được phân chia thành 2 loại : Quãng Hòa âm Thuận và Quãng Hòa âm Nghịch.



a. Quãng Hòa âm Thuận : Cho ta cảm giác hòa hợp, êm ái, dịu dàng.

Có 3 loại Quãng Hòa âm Thuận :

1. Quãng Hòa âm Thuận tuyệt đối hoàn toàn :

Gồm các Quãng : Quãng 1 Đứng (Đồng âm)

Quãng 5 Đứng

Quãng 8 Đứng

2. Quãng Hòa âm Thuận tương đối hoàn toàn :

Gồm các Quãng : Quãng 3 Trưởng

Quãng 3 Thứ

Quãng 6 Trưởng

Quãng 6 Thứ

3. Quãng Hòa âm Thuận hỗn hợp :

Gồm có Quãng 4 Đứng. Quãng này mang đặc tính hỗn hợp. Vừa có thể là Quãng Thuận ,lại vừa là Quãng nghịch.

b. Quãng Hòa âm nghịch : Cho ta cảm giác chói tai, cứng cỏi, gay gắt, không hòa hợp.

Quãng Hòa âm nghịch gồm các Quãng còn lại như :

Quãng 2 Trưởng

Quãng 2 Thứ

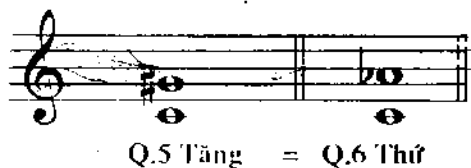
Quãng 7 Trưởng

Quãng 7 Thứ, toàn bộ các Quãng Tăng, Quãng Giảm.

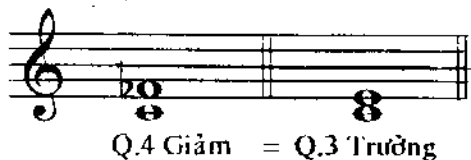
Cần lưu ý : Trên lý thuyết, Quãng Tăng, Quãng Giảm là Quãng Nghịch, nhưng trong thực tế, có một số Quãng Tăng, Quãng Giảm **Trùng âm** với các Quãng Hòa âm Thuận.

Thí dụ :

Quãng 5 Tăng, Trùng âm với Quãng 6 Thứ



Quãng 4 Giảm, Trùng âm với Quãng 3 Trưởng



Hoặc trong Hòa âm, khi tiến hành các bè, cũng 1 Quãng đó, có lúc thì trở thành Quãng Nghịch, có lúc lại là Quãng Thuận.

Thí dụ :



5. QUÃNG TRÙNG ÂM VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH QUÃNG

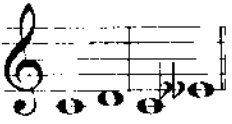
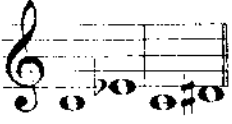




Quãng Trùng âm là Quãng được tạo thành từ 2 nốt đồng âm - Quãng Trùng âm có âm thanh phát ra giống nhau nhưng ý nghĩa, tên gọi và cách viết khác nhau.

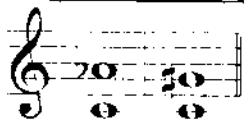

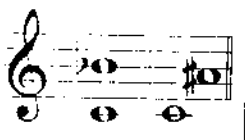
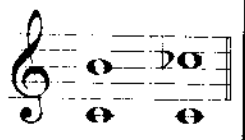
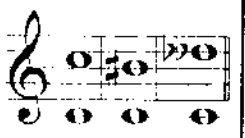
Phương pháp tính Quãng sau đây sẽ giúp cho chúng ta nhận ra **Tên Quãng** trong thời gian nhanh nhất kể cả trong tình huống phức tạp nhất. Phương pháp này phải dựa trên phím đàn Piano (hoặc Organ) phím đàn thật hoặc phím đàn hình vẽ như dưới đây :

HÌNH PHÍM ĐÀN



Quãng	Quãng Trùng âm	Phương pháp Tính Quãng	Hình vẽ
Quãng 1 Đứng	Tương đương với Quãng 2 Giảm	Không có khoảng cách	
Quãng 2 Thủ	Tương đương với Quãng 1 Tăng	Khoảng cách một nửa cung	

Quãng	Quãng Trùng âm	Phương pháp Tính Quãng	Hình vẽ
Quãng 2 Trưởng	Tương đương với Quãng 3 Giảm	Khoảng cách 2 nửa cung	
Quãng 3 Thứ	Tương đương với Quãng 2 Tăng	Khoảng cách 3 nửa cung	
Quãng 3 Trưởng	Tương đương với Quãng 4 Giảm	Khoảng cách 4 nửa cung	
Quãng 4 Đứng	Tương đương với Quãng 3 Tăng	Khoảng cách 5 nửa cung	
Quãng 4 Tăng	Tương đương với Quãng 5 Giảm	Khoảng cách 6 nửa cung	
Quãng 5 Đứng	Tương đương với Quãng 6 Giảm	khoảng cách 7 nửa cung	

Quãng 6 Thứ	Tương đương với Quãng 5 Tăng	Khoảng cách 8 nửa cung	
Quãng 6 Trưởng	Tương đương với Quãng 7 Giảm	Khoảng cách 9 nửa cung	
Quãng 7 Thứ	Tương đương với Quãng 6 Tăng	Khoảng cách 10 nửa cung	
Quãng 7 Trưởng	Tương đương với Quãng 8 Giảm	Khoảng cách 11 nửa cung	
Quãng 8 Đúng	Tương đương với Quãng 7 Tăng và Quãng 9 Giảm	Khoảng cách 12 nửa cung	

6. QUÃNG ĐƠN - QUÃNG KÉP :

1. Quãng Đơn : là Quãng không vượt ra ngoài Quãng 8 đúng. Quãng Đơn gồm các Quãng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8.

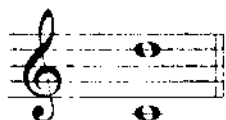
2. Quãng Kép : là Quãng lớn hơn Quãng 8 Đúng, có nghĩa là từ Quãng 8 Tăng trở lên.

Các quãng Kép (từ Quãng 8 Đúng trở lên) được gọi như sau : Quãng 9, Quãng 10, Quãng 11, Quãng 12, 13, 14, 15, v.v...

Để xác định tên các Quãng Kép, ta phải dựa vào các Quãng Đơn mà suy diễn

Thí dụ 1 :

Quãng kép \longrightarrow Dựa vào quãng đơn \Longrightarrow Tên quãng kép



Quãng 9 (?)



Quãng 2 Trưởng



Quãng 9 Trưởng

Thí dụ 2 :

Quãng kép \longrightarrow Dựa vào quãng đơn \Longrightarrow Tên quãng kép



Quãng 13 (?)



Quãng 6 Thứ



Quãng 13 Thứ

CÁC QUÃNG KÉP CƠ BẢN TRÊN HÀNG AM



9 Thứ 9 Trưởng 9 Tăng 10 Giảm 10 Thứ 10 Trưởng 10 Tăng



11 Giảm 11 Đứng 11 Tăng 12 Giảm 12 Đứng 12 Tăng 13 Thứ



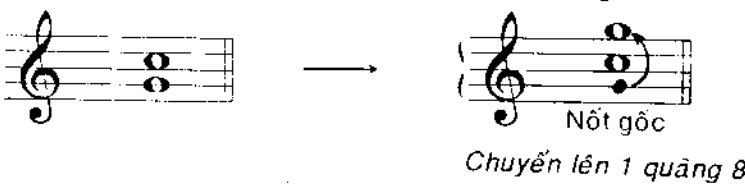
13 Trưởng 13 Tăng 14 Giảm 14 Thứ 14 Trưởng 15 Đứng

7- ĐẢO QUĂNG

Gọi là **Đảo Quăng**, khi nốt **gốc** chuyển vị trí lên 1 Quăng 8 hoặc nốt **ngọn** chuyển vị trí xuống 1 Quăng 8.

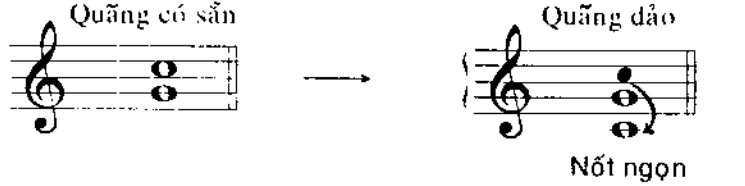
Thí dụ : Quăng 4 đúng , đảo thành quăng 5 đúng

Quăng có sẵn → Quăng đảo



Chuyển lên 1 quăng 8

Quăng có sẵn → Quăng đảo



Chuyển xuống 1 quăng 8

Đảo Quăng sẽ có những tác dụng sau :

1. **Đổi tên Quăng** : Khi Đảo, tên Quăng sẽ thay đổi

Thí dụ :

Quăng có sẵn	Quăng Đảo
Quăng 1 Đảo thành	→ Quăng 8 (=9)
Quăng 2 Đảo thành	→ Quăng 7 (=9)
Quăng 3 Đảo thành	→ Quăng 6 (=9)
Quăng 4 Đảo thành	→ Quăng 5 (=9)
Quăng 5 Đảo thành	→ Quăng 4 (=9)
Quăng 6 Đảo thành	→ Quăng 3 (=9)
Quăng 7 Đảo thành	→ Quăng 2 (=9)

* Quăng có sẵn và Quăng Đảo, khi cộng lại sẽ thành số 9.

2. Đối tính chất Quãng : Khi Đảo, chức năng của Quãng đảo sẽ thay đổi.

Thi dụ :

Quãng Đứng	----	đảo thành	—	Quãng Đứng
Quãng Trưởng	—	đảo thành	---	Quãng Thứ
Quãng Thứ	-----	đảo thành	-	Quãng Trưởng
Quãng Tăng	——	đảo thành	--	Quãng Giảm
Quãng Giảm	——-	đảo thành	-	Quãng Tăng
Quãng Tăng Thêm	——	đảo thành	--	Quãng Giảm Thêm
Quãng Giảm Thêm	——-	đảo thành	---	Quãng Tăng Thêm

* Trừ Quãng Đứng (sau khi Đảo, vẫn là Đứng). Tất cả các Quãng khác sau khi đảo, sẽ trao đổi tính chất lẫn nhau.

* Mục đích, tác dụng của Đảo Quãng trong âm nhạc, sẽ được áp dụng trong các chương sau.



CHƯƠNG IV

HỢP ÂM

Hợp âm là nhóm có từ 3 nốt trở lên, Có thể xếp chồng lên nhau từng quãng 3



* Các nốt trong Hợp âm được phân biệt như sau :

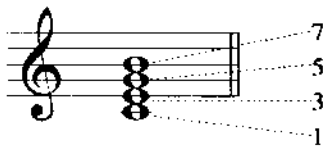
Nốt Nền : Ký hiệu số 1

Nốt thứ 2 : (Tính từ nốt Nền) Ký hiệu số 3

Nốt thứ 3 : (Tính từ nốt Nền) Ký hiệu số 5

Nốt thứ 4 : (Tính từ nốt Nền) Ký hiệu số 7 v.v...

Thi dụ :



* Mỗi Hợp âm có thể thay đổi các Trạng thái khác nhau :

- Trạng thái Gốc : Khi nốt Nền nằm ở dưới cùng
- Trạng thái Đảo 1 : Khi nốt 3 nằm ở dưới cùng
- Trạng thái Đảo 2 : Khi nốt 5 nằm ở dưới cùng
- Trạng thái Đảo 3 : khi nốt 7 nằm ở dưới cùng.

Như vậy :

Hợp âm 3 nốt sẽ có 3 Trạng thái : Gốc, Đảo 1, Đảo 2.

Hợp âm 4 nốt sẽ có 4 Trạng thái : Gốc, Đảo 1, Đảo 2, Đảo 3

Hợp âm 5 nốt sẽ có 5 Trạng thái : Gốc, Đảo 1, Đảo 2, Đảo 3, và Đảo 4

Thí dụ 1 : Các Trạng thái Đảo ở Hợp âm 3 nốt :

Diagram illustrating the three-note chords (Gốc, Đảo 1, Đảo 2) on a treble clef staff. The Gốc chord has notes 1, 3, 5. Đảo 1 has notes 3, 5, 1. Đảo 2 has notes 5, 1, 3. Fingerings are indicated by numbers 1, 2, 3.

Thí dụ 2 : Các Trạng thái Đảo ở Hợp âm 4 nốt :

Diagram illustrating the four-note chords (Gốc, Đảo 1, Đảo 2, Đảo 3) on a treble clef staff. The Gốc chord has notes 1, 3, 5, 7. Đảo 1 has notes 3, 5, 7, 1. Đảo 2 has notes 5, 7, 1, 3. Đảo 3 has notes 7, 1, 3, 5. Fingerings are indicated by numbers 1, 2, 3, 4.

Chú ý :

Để gọi là "Trạng thái Gốc", chỉ cần nốt **Nền** (nốt 1) nằm ở **bè dưới cùng**, các bè khác ở phần trên, không nhất thiết phải theo 1 thứ tự nào hết.

Các Trạng thái Đảo 1, Đảo 2, Đảo 3 v.v. đều theo nguyên tắc trên.

Thí dụ :

Diagram illustrating the four-note chords (Gốc, Đảo 1, Đảo 2) on a treble clef staff. The Gốc chord has notes 1, 3, 5, 7. Đảo 1 has notes 3, 5, 7, 1. Đảo 2 has notes 5, 7, 1, 3. Fingerings are indicated by numbers 1, 2, 3, 4.

1 HỢP ÂM 5 TĂNG (5aug, 5+, +)

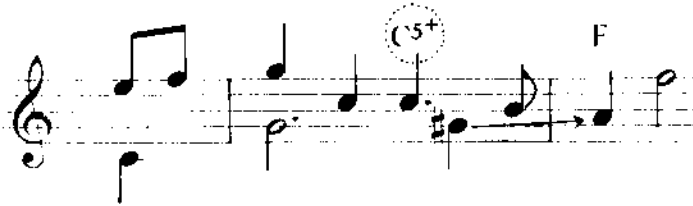
Hợp âm tăng, gồm 3 nốt, nguyên là Hợp âm Thuận được sử dụng thành Hợp âm Nghịch, khi nốt 5 bị tăng lên nửa cung.



Vì có nốt 5 là nốt Nghịch, nên sau đó cần phải được giải nghịch, bằng cách chuyển lên 1 nốt khác cách nửa cung (gọi là nốt giải nghịch)

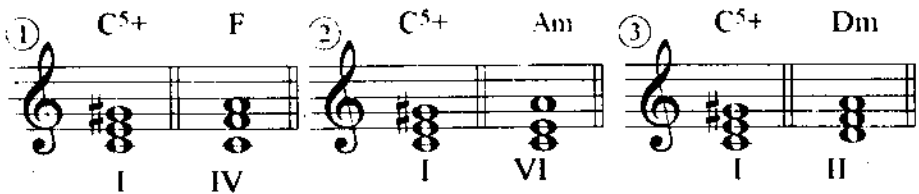
Thí dụ : Trích : *Hymne à l'amour* (M. Monnot)

(Tất cả các thí dụ dưới đây dùng âm giai Đô Trưởng làm mẫu).



Cách sử dụng

a)- Dùng ở Bạc I



b)- Dừng ở Bậc IV

$F^{5+} \rightarrow Dm$ $F^{5+} \rightarrow G^7$ $F^{5+} \rightarrow B^7$

IV II IV V IV VII

c)- Dừng ở Bậc V

Sử dụng Hợp âm 5 Tăng ở Bậc V, thường được dùng để chuyển âm

$V^{5+} \rightarrow V^7 \rightarrow I$ hay

$V^{5+} \rightarrow V^9 \rightarrow V^7 \rightarrow I$ (Hoặc VI)

d)- Dừng ở Bậc VI : bằng cách Giáng dấu Nền (1) của Bậc VI xuống nửa cung:

A^{75+} C

VI I

Tóm lại :

Hợp âm V^{5+} có thể sử dụng ở các Bậc: I, IV, VI và nhất là Bậc V.

- Dừng ở Bậc I, IV, V như là Hợp âm chuyển tiếp.

- Dừng ở Bậc VI để chuyển sang dấu có họ gần.

Một số Hợp âm 5 Tăng.

C^{5+} D^{5+} E^{5+} F^{5+} G^{5+} A^{5+} B^b5+ B^{5+}

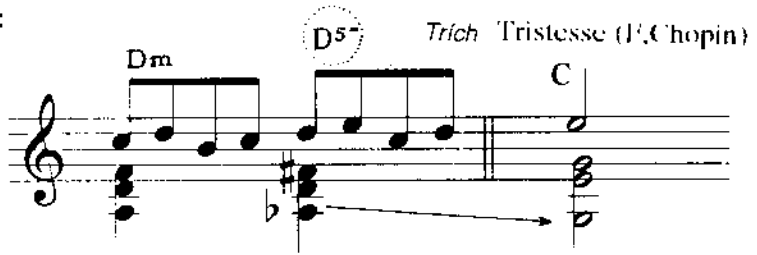
2 **HỢP ÂM 5 GIẢM (5dim, 5⁻, -)**

Hợp âm 5 Giảm, gồm 3 nốt, nguyên là 1 Hợp âm Thứ (Thuận) nhưng biến thành Hợp âm Nghịch khi nốt 5 bị Giáng xuống nửa cung.

Để giải nghịch, nốt 5 phải đi xuống 1 nốt nhạc khác cách nửa cung.



Thí dụ :



Cách sử dụng : .

a)- Trong giải kết, Hợp âm 5⁻ thường được dùng ở Bạc V, dưới hình thức V5⁻, V7(5⁻), V9(5⁻)... sau đó trở về Bạc I.

Thí dụ :

I → IV (hoặc VI) → V5⁻ → I

b)- Dùng Hợp âm 5⁻ như là Hợp âm để **chuyển tiếp sang Hợp âm khác**, miễn là Hợp âm đó có chứa dấu giải nghịch.

Thí dụ :

Trích : Rêve d' amour (F. Liszt) :



c)- Vì là **Hợp âm chuyển tiếp**, nên khi muốn chuyển sang những Hợp âm kế có họ gần, thay vì chuyển trực tiếp, thì ta chuẩn bị bằng cách chuyển sang Hợp âm 5⁻ của chính Hợp âm muốn chuyển sang.

Thí dụ :

Chuyển Hợp âm trực tiếp :

C → F → Dm → G → C

Chuyển, có chuẩn bị bằng Hợp âm 5⁻

C (C5⁻) → F (F5⁻) → Dm (Dm5⁻) → G (G5⁻) → C

MỘT SỐ HỢP ÂM 5- GIẢM

- Hợp âm 5 Giảm (Trưởng)

C5⁻ D5⁻ E5⁻ F5⁻ G5⁻ A5⁻ B5⁻ B5⁻

- Hợp âm 5 Giảm (Thứ)

Cm5⁻ Dm5⁻ Em5⁻ Fm5⁻ Gm5⁻ Am5⁻ B^bm5⁻ Bm5⁻

3

HỢP ÂM 6 TRƯỞNG

Hợp âm 6 Trưởng có 4 nốt, nốt ngọn cách nốt gốc (Nền) 1 Quãng 6.

Hợp âm 6 là Hợp âm Nghịch, vì có 2 nốt 5 và 6 cách nhau 1 Quãng 2 Trưởng (Quãng Nghịch).



Hợp âm trưởng



Hợp âm 6 trưởng

Cách sử dụng :

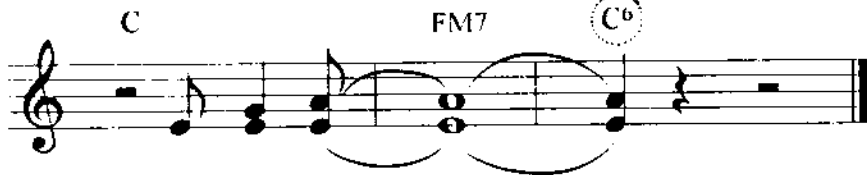
a)- Hợp âm 6 Trưởng thường được dùng ở Bạc I để kết thúc một bản nhạc

Thí dụ 1 :

Trích " Guantanamo" (Sandpipers)
Âm thể FA Trưởng

**Thí dụ 2 :**

Trích " No Reply (Beatles)
Âm thể Đô Trưởng



b)- Trong khi tiến hành các bè, có xuất hiện nốt 6, ta vẫn có thể sử dụng Hợp âm 6. Tuy nhiên, phải cân nhắc, xem có cần thiết và chính đáng hay không.

Trích : From Russia with love (Lionel Bart)



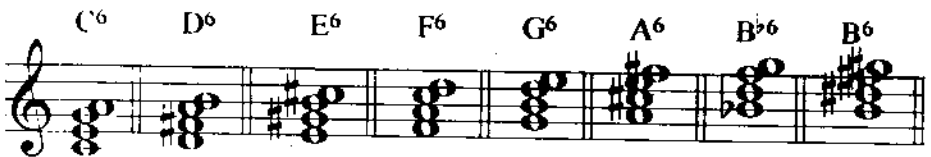
Hoặc, dù không có xuất hiện nốt 6, nhưng để tăng thêm sự phong phú cho giai điệu, ta vẫn có thể để Hợp âm 6.

Trích : *Unchained melody* (Alex North)



Hợp âm Sol 6 trên đây thiếu nốt Mi.

Một số Hợp âm 6 Trường



4

HỢP ÂM 6 THỨ

Từ 1 Hợp âm Thứ, thêm nốt thứ 6 (Tính từ nốt Nền). Ta có Hợp âm 6 Thứ.

Cách sử dụng :

a)- Dùng ở Bạc I để kết thúc bản nhạc :

Trích . *El Bimbo* (C. Morgan)



Trích : La Playa (V. Wetter)



b)- Hợp âm 6 Thứ dùng ở bậc IV (IVm6) thay thế cho bậc IV thông thường (IV)

Thông thường I → IV → V7 → I

Thay thế bằng IVm6 I → IVm6 → V7 → I

Thí dụ 1 :

Trích Serenade (F. Schubert)



Thí dụ 2 :

Trích Mariage d'amour. (Richard Clayderman)



c)- Ngoài ra, khi ở bậc IV. Hợp âm 6 Thứ còn được dùng để làm **Hợp âm chuyển tiếp**.

C → Fm6 → A7 → Dm

Hợp âm Fm6 sẽ được **giải nghịch** bằng những nốt của Hợp âm A7.



MỘT SỐ HỢP ÂM 6 THỨ



5 HỢP ÂM 7

Hợp âm 7 có 4 nốt nhạc. Từ nốt nền đến nốt cao nhất là 1 Quãng 7 Thứ.

Cấu tạo :

- Hợp âm 7 gồm Hợp âm Trưởng và 1 Quãng 7 Thứ

**Cách sử dụng**

Hợp âm 7 để sử dụng và rất phổ biến.

a)- Chức năng quan trọng nhất của Hợp âm 7 (Bậc V) là **chuẩn bị để kết thúc** 1 bản nhạc.

Thí dụ 1 :

Trích : Lên Đàng (Lưu Hữu Phước)

**Thí dụ 2 :**

Trích Silent night (F. Gruber)



b)- Dùng để làm **Hợp âm chuyển tiếp**, vấn đề này, sẽ tìm hiểu kỹ hơn ở phần “Xác định âm thế và chuyển Hợp âm”

Thí dụ 1 : Trích Love Story (F Lai) Âm thế La Thứ.

A⁷ → D^m G⁷ → C

Thí dụ 2 : Trích Love me tender (Elvis Presley)

G B⁷ → E^m G⁷ → C D⁷ → G G E⁷ → A

c)- Dùng để thực hiện **giải kết tránh né**. Bình thường, sau Hợp âm V⁷ sẽ về Hợp âm chủ. Ở **giải kết tránh né**, sau Hợp âm V⁷ sẽ qua Hợp âm bậc VI.

Giải kết tránh né có ý nghĩa kết thúc 1 câu nhạc, 1 đoạn nhỏ, chứ chưa muốn về Hợp âm chủ để kết thúc hết bài.

Kết bình thường

C → G⁷ → C

D → A⁷ → D

E → B⁷ → E

Kết tránh né

C → G⁷ → Am

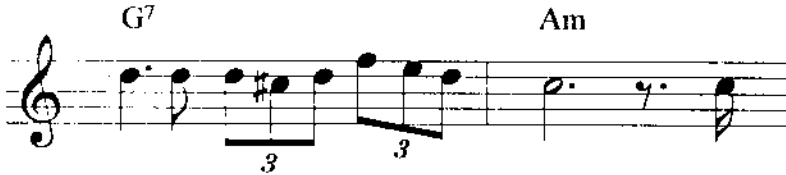
D → A⁷ → B^m

E → B⁷ → C^{#m}

Chú ý : Chỉ áp dụng được cho **Âm thức Trưởng**

Thí dụ 1 :

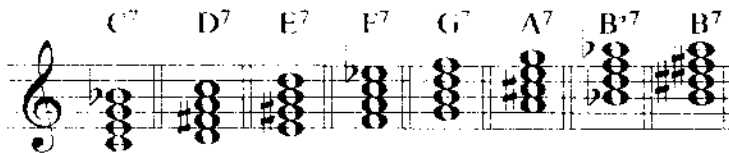
Trích : Ave Maria (F. Schubert) Âm thế Đô Trưởng

**Thí dụ 2 :**

Trích : Right here waiting (R. Marx)



Có thể nói rằng, đa số các tác phẩm âm nhạc đều sử dụng Hợp âm 7 Bạc V (V7) để thực hiện phân kết thúc tác phẩm của mình. Đây là Hợp âm rất thuận tiện nên được dùng thường xuyên và phổ biến

MỘT SỐ HỢP ÂM 7**6 HỢP ÂM 7 TRƯỞNG**

Hợp âm 7 Trưởng có 4 nốt nhạc. Từ nốt Nền đến nốt cao nhất là **Quãng 7 Trưởng**.

Cấu tạo :

Hợp âm 7 Trưởng là 1 Hợp âm Trưởng và 1 Quãng 7 Trưởng .

CM7
Phân tách

Q.7 Trưởng

Cách sử dụng :

a) Để **kết thúc** một bản nhạc thuộc **Âm thể Trưởng**, người ta có thể dùng Hợp âm 7 Trưởng (Hợp âm Nghịch), thay vì Hợp âm thuận như thường lệ.

Kết bình thường

C → G7 → C

G → D7 → G

F → C7 → F

Kết bằng H.Ả 7 Trưởng

C → G7 → CM7 (Cmaj7)

G → D7 → GM7 (Gmaj7)

F → C7 → FM7 (Fmaj7)

Thí dụ 1 :

Trích "Feeling" (M. Albert)

Âm thể Sol Trưởng

Thí dụ 2 :

Trích "Chúc em Sinh nhật"

Âm thể Fa Trưởng

b)- Ngoài ra, còn có thể sử dụng Hợp âm 7 Trưởng tương tự như mục b và c của Hợp âm 7.

Thí dụ :

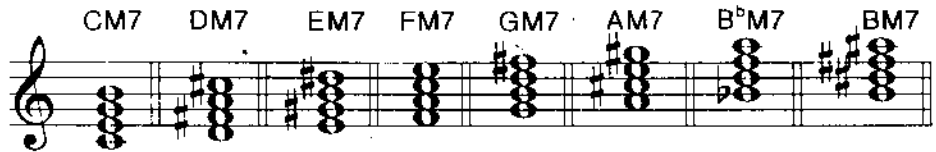
- Hợp âm chuyển tiếp :

C → CM7 → F → FM7 → B^b → B^bM7 → E^b → G7 → C

- Kết tránh né :

C → F → GM7 → Am

MỘT SỐ HỢP ÂM 7 TRƯỞNG



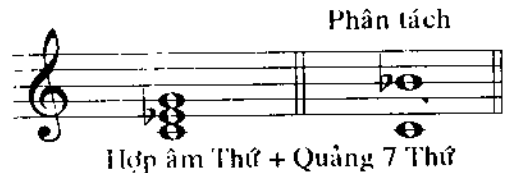
7

HỢP ÂM 7 THỨ

Hợp âm 7 Thứ có 4 nốt nhạc. Từ nốt Nền đến nốt cao nhất là 1 Quãng 7 Thứ.

Cấu tạo :

Hợp âm 7 Thứ gồm 1 Hợp âm Thứ và 1 Quãng 7 Thứ.



Cách sử dụng :

a)- Chức năng quan trọng và phổ biến nhất của Hợp âm 7 Thứ là làm **Hợp âm chuyển tiếp**.

Trong bản nhạc, sau Hợp âm 7 Thứ (ở Bạc II) là Hợp âm Bạc V7 rồi trở về Hợp âm Bạc I

I → II^m7 → V⁷ → I
 C → D^m7 → G⁷ → C

Thí dụ 1 :

Trích : Yesterday (Beatles)



Thí dụ 2 :

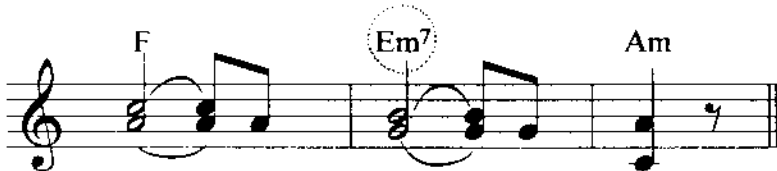
Trích : The end of the world (S. Dée & Kert)



b)- Giống như Hợp âm 7, Hợp âm 7 Thứ ở Bắc V cũng có thể dùng để **chuẩn bị kết thúc** bản nhạc. Trường hợp này ít dùng hơn Hợp âm 7.

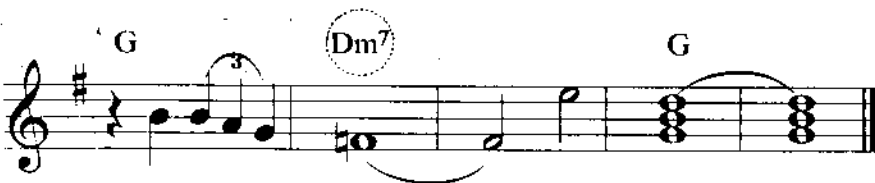
Thí dụ 1 :

Trích : Roméo & Juliet (Nino Rota)



Thí dụ 2 :

Trích : True Grit (E. Bernstein)



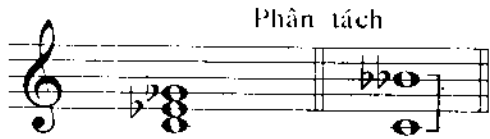
MỘT SỐ HỢP ÂM 7 THỨ



8

HỢP ÂM 7 GIẢM

Hợp âm 7 Giảm có 4 nốt nhạc - viết tắt : dim (diminué), 7 dim, dim7, o.



Hợp âm Giảm + Quãng 7 Giảm

Cách sử dụng :

a)- Hợp âm 7 Giảm có chức năng làm Hợp âm **chuyển tiếp** như các Hợp âm 7 khác.

Thí dụ 1 :

Trích : Where is your heart (W. EngVic & G. Auric)



Thí dụ 2 : *Trích : It's the talk of the town (M. Symes & Jerry Livingston)*



b)- Từ Hợp âm 7 Giảm, có thể chuyển thẳng qua Hợp âm chủ (Bậc I) mà không cần phải qua Hợp âm V7.

Thí dụ 1 :

Trích : Only Believe (Elvis Presley)

C Dm D⁷dim C

Thí dụ 2 :

Trích : Too young (S. Dee & S. Lippman)

B⁷ Cdim B^b

MỘT SỐ HỢP ÂM 7 GIẢM

Cdim Ddim Edim Fdim Gdim Adim B⁷dim Bdim



Trên đây là 1 số nét cơ bản và khái niệm tổng quát về 1 số Hợp âm Nghịch tiêu biểu. Đây, mới chỉ là một phần nổi của một tảng băng khổng lồ và đầy phức tạp. Các Hợp âm thay nhau biến hóa thiên hình vạn trạng với đủ mọi hình thức để tạo ra những tác phẩm hấp dẫn, phong phú và đầy sáng tạo.


Để có được sự hiểu biết tường tận và sâu sắc, bạn phải có được nhiều thời gian và nỗ lực không ngừng trong việc học hỏi, tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích, lý luận, so sánh để rút ra những bài học cho mình trong thực tế. Chính trong thực tế, sau những bài tập miệt mài là những áp dụng vào trong môi trường mà bạn đang hoạt động : Một thính giả biết thưởng thức và am hiểu cấu trúc cũng như chuyển biến của âm nhạc; Một giáo viên đang truyền đạt kiến thức âm nhạc của mình; Một học viên đang muốn phát triển thêm về kiến thức âm nhạc, hoặc là một người biểu diễn cần xử lý đúng ý đồ của tác phẩm, hoặc là một nhà sáng tác muốn đưa tác phẩm của mình lên đỉnh cao của nghệ thuật... tất cả đều tùy thuộc vào tài năng và các yếu tố khác mà trong đó chúng ta đang tìm hiểu : sự cấu tạo và chuyển biến của các Hợp âm để tạo thành Hòa âm cho tác phẩm.

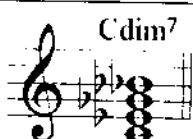





Đây là chìa khóa mở ra cánh cửa thế giới huyền diệu của âm thanh. Sau những khái niệm cơ bản ở tập sách này, chúng ta sẽ cùng nhau tiếp tục tìm hiểu và thực hiện các bài tập trong các tập sách sau, ngõ hầu ngày càng tăng thêm sự hiểu biết về 1 trong những yếu tố của âm nhạc : **Hòa âm**.




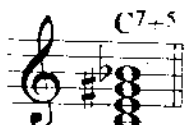

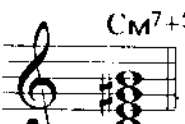


CẤU TẠO CỦA MỘT SỐ HỢP ÂM THÔNG DỤNG

Ghi chú : T (Trưởng) t (Thứ) Tg (Tăng) G (Giảm) Đ (Đúng)

HỢP ÂM	CẤU TẠO	KÝ HIỆU	THƯỜNG DÙNG	THÍ DỤ (bằng H.Á Đ.Đ.T)
Hợp âm Trưởng	3T, 5Đ	Maj chữ in	chữ in	
Hợp âm Thứ	3t, 5Đ	m chữ thường	m	
Hợp âm 5 Tăng	3T, 5 Tăng	5 aug. +, 5 ⁺	5 ⁺	
Hợp âm 5 Giảm	3t, 5G	5 dim. -, 5 ⁻	5 ⁻	
Hợp âm Thứ-Quãng 6 Trưởng	3t, 5Đ, 6T	m6	m6	
H.Á Trưởng, Quãng 6 Trưởng	3T, 5Đ, 6T	6 Maj6	6	

HỢP ÂM	CÂU TẠO	KÝ HIỆU	THƯỜNG DÙNG	THÍ DỤ (bằng H.Ả ĐỘ.T)
Hợp âm 7 Giảm	3t, 5G, 7G	dim, 7dim dim7, 7 ^o	7dim	
H.Ả Thứ, Quãng 7 Thứ	3t, 5Đ, 7t	m7	m7	
H.Ả Trưởng, Quãng 7 Thứ	3T, 5Đ, 7T	7	7	
H.ả Thứ, Quãng 7 Trưởng	3t, 5Đ, 7T	m(Maj7), m7 ⁺ , m(+7)	m(M7)	
H.Ả Trưởng, Quãng 7 Trưởng	3T, 5Đ, 7t	M7 Maj7, 7 ⁺	M7	
H.Ả Thứ, 7 Thứ, 5 Tăng	3t, 5Tăng 7t	m7 ⁺⁵ m7 ^{aug5}	m7 ⁺⁵	

HỢP ÂM	CẤU TẠO	KÝ HIỆU	THƯỜNG DÙNG	THÍ DỤ (bằng H.Ả Đô.T)
H.Ả Thứ, 7 Thứ, 5 Giảm	3t, 5G, 7t	$m7^{-5}$ $m7dim5$	$m7^{-5}$	
H.Ả Thứ, 7 Trưởng, 5 Tăng	3t, 5Tăng, 7T	$m7^{+}$ (aug5) $m(M7)^{+b}$	$m(M7)^{+b}$	
H.Ả Thứ, 7 Trưởng giảm	3t, 5G, 7T	$m7^{+}(dim5)$ $m(M7)^{-5}$	$m(M7)^{-5}$	
H.Ả Trưởng 7 Thứ, 5 Tăng	3t, 5Tăng, 7t	7+5 7^{aug5}	7^{+b}	
H.Ả Trưởng 7 Thứ, 5 Giảm	3t, 5G, 7t	7^{-5} 7dim5	7^{-b}	
H.Ả Trưởng 7 Trưởng 5 Tăng	3T, 5Tăng, 7T	$M7^{+5}$ $M7aug5$ $Maj7^{+5}$	$M7^{+b}$	

CHƯƠNG V

ÂM GIAI - ÂM THỨC

1. TÊN GỌI :

Âm giai : Gamme (P) Scale (A).
Thang âm, Gam.

Âm Thức : Mode (P, A)
Điệu thức, Thức...

2. Ý NGHĨA**A. ÂM GIAI :**

Âm giai là một dãy các âm thanh xếp liên tiếp với nhau từng bậc và hình thành trong 1 Quãng 8.

Trong âm nhạc có rất nhiều Âm giai.

Thí dụ :



Sự khác biệt giữa các âm thanh cơ bản (Đô, rê, mi, fa ...) và Âm giai ở các đặc điểm sau đây :

- Các âm thanh cơ bản chỉ là những chất liệu, độc lập, riêng rẽ không mang một ý nghĩa về hệ thống nào cả. Đơn thuần nó chỉ là những âm thanh cơ bản dùng trong âm nhạc.

- Cũng vẫn những âm thanh đó, khi được đặt trong 1 hệ thống, 1 ý nghĩa, có sự liên đới, ràng buộc bằng các qui định với nhau thì chúng lại trở thành **Âm giai**.

Thử tìm 1 so sánh ở trong xã hội: các Thanh thiếu niên ... đơn thuần họ là Thanh thiếu niên. Tuy nhiên, khi họ đứng trong 1 đoàn thể hay 1 tổ chức nào đó, thì bây giờ họ sẽ bị ràng buộc với những thể lệ, quy định, sự điều động, tổ chức, sắp xếp... rồi lại phân chia bởi chức vụ, người làm trưởng, người làm phó, người làm thành viên...

Có rất nhiều Âm giai khác nhau được hình thành tùy theo sự phát triển văn hóa của các dân tộc như Hy Lạp, Trung Hoa (trong đó có Việt Nam), Nhật Bản, Ấn Độ ...

Trong chương trình này, chúng ta chỉ tìm hiểu trong khuôn khổ của âm nhạc Cổ Điển Châu Âu. Nền âm nhạc này đã được hoàn chỉnh, hệ thống hóa, trỗi vượt hơn các hệ thống âm nhạc khác về chất lượng (quy luật, văn bản, ký âm...) và về số lượng.

B. ÂM THỨC

Tùy theo sự sắp xếp về cao độ (tính bằng cung hay nửa cung) giữa các nốt với nhau trong Âm giai mà hình thành Âm thức.

Có 2 loại Âm thức:

- * Âm thức Trưởng
- * Âm thức Thứ

1. Âm thức Trưởng:

Bất cứ 1 Âm giai nào, nếu sắp xếp theo đúng khoảng cách về cao độ dưới đây, được gọi là thuộc **Âm thức Trưởng**.

Thí dụ:

Âm giai **Sol**, thuộc Âm thức Trưởng



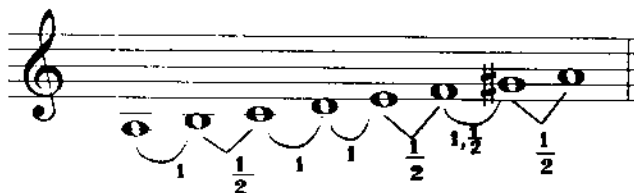
Ghi chú : Nhờ có dấu Hoá Thăng (#) ở nốt Fa mà Âm giai Sol, theo đúng quy định về khoảng cách cao độ để trở thành Âm giai Sol Trưởng

2. Âm thức Thứ :

Âm thức Thứ có những qui định về khoảng cách cao độ như sau :

Thí dụ :

Âm giai La, thuộc Âm thức Thứ.



BẢNG LIỆT KÊ CÁC LOẠI ÂM THỨC TRƯỞNG VÀ ÂM THỨC THỨ.

1. ÂM THỨC TRƯỞNG TỰ NHIÊN (thường dùng)



2. ÂM THỨC TRƯỞNG HÒA ÂM (ít dùng)

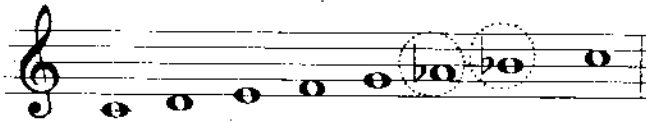


(Bậc VI giáng xuống nửa cung)

Thí dụ : Trích (R.Schumann)



3. ÂM THỨC TRƯỞNG GIAI ĐIỆU (ít dùng)



(Bậc VI và bậc VII, mỗi bậc giáng xuống nửa cung)

Thí dụ 1 : *Célèbre Réverie* (R.Schumann)



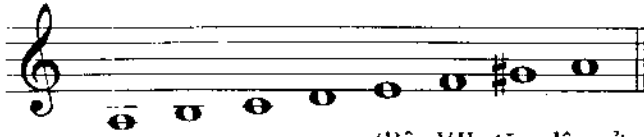
4. ÂM THỨC THỬ TỰ NHIÊN (ít dùng)



Thí dụ : Trích : *Roméo et Juliette*

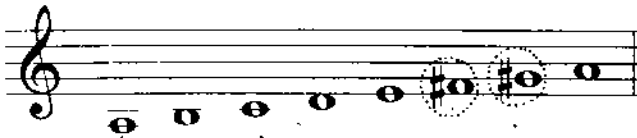


5. ÂM THỨC THỨ HÒA ÂM (thường dùng).



(Bậc VII, tăng lên nửa cung)

6. ÂM THỨC THỨ GIAI ĐIỆU (ít dùng)



(Bậc VI và bậc VII, mỗi bậc tăng lên nửa cung)

Thí dụ 1 : Trích *Love is Blue*



Thí dụ 2 : Trích *Green Sleeves*



Theo bảng liệt kê, ta nhận xét có 2 Âm thức được dùng thường xuyên phổ biến là Âm thức **Trường Tự nhiên** và Âm thức **Thứ Hòa âm**. Các Âm thức còn lại được sử dụng với 1 tỷ lệ rất ít.

Âm thức là 1 trong những phương tiện thể hiện rõ nét tính nghệ thuật trong âm nhạc. Nó có thể biểu hiện ý nghĩa và nội dung mà tác phẩm muốn đề cập đến. Ngoài những yếu tố như : Giai điệu, Tiết

tấu. Hòa âm, Nhịp độ, Chuyển động, Sắc thái... thì chính Âm thức trong 1 số trường hợp đã góp phần quyết định về tính chất của tác phẩm.

Sau đây là 1 vài nét phát họa sự tương phản giữa Âm thức Trưởng và Âm thức Thứ :

Âm thức Trưởng

Ánh sáng

Niềm vui

Hân hoan

Phấn khởi

Ấm áp

Tưng bừng

Âm thức Thứ

Bóng tối

Nổi buồn

Ưu sầu

Tiếc thương

Lạnh lùng

Hiu quạnh...

Đơn cử 1 vài thí dụ trong các ca khúc quen thuộc.

Âm thức Trưởng :

- Như có Bác trong ngày vui đại thắng
- Khúc nhạc ngày xuân
- Hymn à la Joie
- Jingle bells
- Happy birthday to you, Happy new year...

Âm thức Thứ :

- Come back to Sorrento (trở về mái nhà xưa)
- Roméo et Juliette
- Love story
- Lòng mẹ, Tình cha, Hồn tử sĩ...

Tuy nhiên, việc thể hiện các sự tương phản trên chỉ có ý nghĩa tương đối - Vẫn có những tác phẩm ở Âm thức Trưởng lại diễn tả nét u buồn, nét trữ tình, trầm lắng hay những thương nhớ vẫn vương... và ngược lại. Điều này, còn tùy thuộc vào 1 số yếu tố khác như : Tốc độ nhanh, chậm, Tiết tấu dồn dập hay thư thả...

CHƯƠNG VI

XÁC ĐỊNH ÂM THỂ

Mỗi tác phẩm âm nhạc (gọi tắt là bản nhạc) đều mang 1 **Âm thể** và 1 **Âm thức** riêng .

Âm thể (Tone) còn được gọi bằng những tên khác nhau như : **Giọng , Cung , Tông ...**

Tên Âm thể : Tên của Âm thể được lấy theo tên của 7 nốt nhạc

Đô , Rê , Mi , Fa , Sol , La , Si .

Tên Âm thức : Âm thức có 2 tên : Trưởng và Thứ .

Thí dụ :

Bản nhạc ...X... thuộc Âm thể Đô Trưởng

Bản nhạc ...Y... thuộc Âm thể La Thứ

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH ÂM THỂ

Có 2 phương pháp để xác định Âm thể của 1 bản nhạc :

1. Căn cứ vào **Hóa biểu** của bản nhạc .
2. Căn cứ vào **nốt kết thúc** của bản nhạc .

Thí dụ :



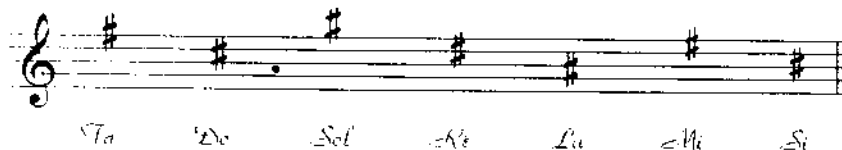
Nốt kết thúc

1. CĂN CỨ VÀO HÓA BIỂU CỦA BẢN NHẠC

Mỗi Hoá biểu , sẽ xác định được tên của 2 Âm thể : Âm thể Trưởng và Âm thể Thứ .

Hoá biểu được xếp theo thứ tự từ Hóa biểu không có dấu hóa, đến Hóa biểu có 7 dấu hóa .

Thứ tự các dấu Hóa Thăng :



Thứ tự các dấu Hóa Giáng :

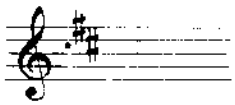
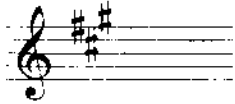


Chú ý :

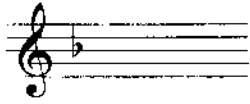
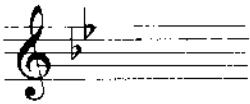
Ở phần này , chúng ta chỉ học cho đến 3 dấu hóa mà thôi .

BẢNG LIỆT KÊ CÁC ÂM THỂ THEO HÓA BIỂU THĂNG

HÓA BIỂU	ÂM THỂ	VIẾT TẮT
<p>không có dấu hóa</p>	Âm thể Đô Trưởng hoặc Âm thể La Thứ	C hoặc Am
<p>có 1 dấu thăng</p>	Âm thể Sol Trưởng hoặc Âm thể Mi Thứ	G hoặc Em

 có 2 dấu thăng	Âm thể Rê Trưởng hoặc Âm thể Si Thứ	D hoặc Bm
 có 3 dấu thăng	Âm thể La Trưởng hoặc Âm thể Fa Thứ	A hoặc F#m

**BẢNG LIỆT KÊ CÁC ÂM THỂ
THEO HÓA BIỂU GIÁNG**

HÓA BIỂU	ÂM THỂ	VIẾT TẮT
 có 1 dấu Giáng	Âm thể Fa Trưởng hoặc Âm thể Rê Thứ	F hoặc Dm
 có 2 dấu Giáng	Âm thể Si Trưởng hoặc Âm thể Sol Thứ	B ^b hoặc Gm
 có 3 dấu Giáng	Âm thể E Trưởng hoặc Âm thể Đô Thứ	E ^b hoặc Cm

2. CĂN CỨ VÀO NỐT KẾT THÚC CỦA BẢN NHẠC

Theo 2 bảng liệt kê trên , mỗi Hóa biểu đều có 2 Âm thể (hoặc Trưởng hoặc Thứ)

Vậy để xác định dứt khoát bản nhạc đó thuộc Âm thể nào (chọn 1 trong 2) ta sẽ nhờ vào nốt kết thúc của bản nhạc để xác định được âm thể của bản nhạc đó .

Ta có thể rút ra kết luận sau đây :

TÊN CỦA NỐT KẾT THÚC BẢN NHẠC
CHÍNH LÀ TÊN CỦA ÂM THỂ

Thí dụ 1 :

Phân tích bài "Vòi quà"

VÒI QUÀ

Nhanh vui (Soul Rap)

Y Vân

Nốt kết thúc

* Hóa biểu không có dấu Hóa sẽ thuộc về Âm thể Đô Trưởng hoặc La Thứ .

* Nốt kết thúc bản nhạc là nốt La .

Vậy bài "Vòi quà" thuộc Âm thể **La thứ**

Thí dụ 2 :

Phân tích bài "Ai nhanh hơn"

AI NHANH HƠN

Nhạc và lời

TRẦN THIÊN TÙNG

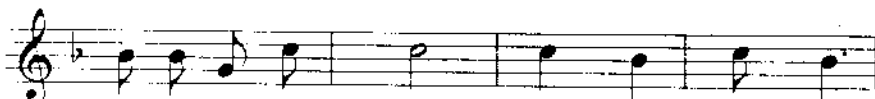
Hơi nhanh Vui tươi



Pí Po xình xịch Pí Po xình xịch



Chúng em đi xe hơi Chúng em đi xe lửa



Xe hơi chạy rất nhanh Pí po Pí po



Xe lửa chạy nhanh hơn Xình xịch xình xịch xình xịch xình



Nốt kết thúc

xình xịch pí po A! Thật là vui ghê!

* Họa biểu có 1 dấu Giáng sẽ thuộc về Âm thể Fa Trưởng hoặc Fê Thứ.

* Nốt kết thúc bản nhạc là nốt Fa.

Vậy bài "Ai nhanh hơn" thuộc Âm thể **Fa Trưởng**.